

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẾN 30/6 NĂM 2019

(Kèm theo công văn số: 10050 /BTC-ĐT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

| Nội dung                                                                                                   | Kế hoạch<br>vốn TTg giao<br>trong năm<br>2019 | Thanh toán<br>kế hoạch<br>vốn giao<br>trong năm | Tỷ lệ %<br>so với kế<br>hoạch CP<br>giao |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1                                                                                                          | 2                                             | 3                                               | 4                                        |
| <b>DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:</b>                                                                         | <b>22.710.229</b>                             | <b>5.125.066</b>                                | <b>22,57%</b>                            |
| <b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>                                                              | <b>11.000.000</b>                             | <b>3.323.205</b>                                | <b>30,21%</b>                            |
| 7627829 - Hồ chứa nước Cánh Tàng, tỉnh Hòa Bình                                                            | 220.000                                       | 129.855                                         | 59%                                      |
| Hồ chứa nước Dế Xà Phìn                                                                                    | 100.000                                       | 10.580                                          | 11%                                      |
| Dự án đê biển Bình Minh                                                                                    | 150.000                                       | -                                               | 0%                                       |
| Kè sông Cầu đoạn qua thành phố Bắc Cạn                                                                     | 100.000                                       | 2.482                                           | 2%                                       |
| Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà                                                            | 100.000                                       | 16.312                                          | 16%                                      |
| Hồ chứa nước Đồng Mít                                                                                      | 500.000                                       | 149.973                                         | 30%                                      |
| 7627833 - Hệ thống thủy lợi Nà Sản, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La                                             | 300.000                                       | 53.174                                          | 18%                                      |
| 7627834 - Nâng cấp đê, kè hữu sông Hồng từ K26+580 đến K32+000 và từ K40+350 đến K47+980, thành phố Hà Nội | 100.000                                       | 63.162                                          | 63%                                      |
| 7628544 - Sửa chữa nâng cấp hệ thống thủy nông Đa Độ                                                       | 172.000                                       | 33.499                                          | 19%                                      |
| 7624754 - DA AN SC,NC HE THONG THUY LOI BAC NAM HA                                                         | 35.000                                        | 10.966                                          | 31%                                      |
| 7096008 - Hồ chứa nước Bàn Lài                                                                             | 450.000                                       | 178.000                                         | 40%                                      |
| 7642166 - Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải                                                | 143.000                                       | 86.562                                          | 61%                                      |
| 7631135 - Hệ thống thủy lợi Trạm bơm cống Xuân Hòa, TG                                                     | 2.000                                         | 559                                             | 28%                                      |
| 7027540 - Dự án Thủy lợi Bắc Bến Tre                                                                       | 115.000                                       | 43.571                                          | 38%                                      |
| 7176331 - HT Thủy lợi Bắc Bến Tre - BQLĐT & XD TL 10                                                       | 210.000                                       | 155.940                                         | 74%                                      |
| 7642449 - Hệ thống Thủy lợi Nam Bến Tre                                                                    | 65.000                                        | 14.280                                          | 22%                                      |
| 7001999 - Nạo vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long (Bồi thường)                                      | 1.600                                         | 212                                             | 13%                                      |
| 7469821 - Xây dựng cống Tha La, cống Trà Sư                                                                | 90.000                                        | 49.138                                          | 55%                                      |
| 7216090 - Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (giai đoạn 1) 2019                                            | 100.000                                       | 367                                             | 0%                                       |
| 120172020 - Cống âu thuyền Ninh Quới, tỉnh Bạc Liêu                                                        | 127.000                                       | 52.589                                          | 41%                                      |
| 120172021 - Hệ thống thủy lợi trạm bơm cống Xuân Hòa, tỉnh Tiền Giang                                      | 62.000                                        | 20.730                                          | 33%                                      |
| 120172022 - Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (giai đoạn 1)                                               | 200.000                                       | 46.572                                          | 23%                                      |
| 120172023 - Nạo vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh                                       | 75.000                                        | 42.577                                          | 57%                                      |
| 7631134 - Cống âu thuyền Ninh Quới, tỉnh Bạc Liêu                                                          | 3.000                                         | 702                                             | 23%                                      |
| 7643016 - ĐT- XD Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II, III, V Cà Mau                                             | 130.000                                       | 87.000                                          | 67%                                      |
| 7001999 - Nạo vét Kênh Mây Phốp - Ngã Hậu                                                                  | 1.400                                         |                                                 | 0%                                       |
| 7642135 - Trạm bơm Tri Phương II                                                                           | 60.000                                        | 26.549                                          | 44%                                      |
| 7636310 - Hồ chứa nước Ngòi Giành Tỉnh Phú Thọ                                                             | 250.000                                       | 136.465                                         | 55%                                      |
| 120170100 - Xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4 huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình                                |                                               |                                                 |                                          |
| 7641988 - Tiêu úng vùng III huyện Nông Cống                                                                | 100.000                                       | 59.539                                          | 60%                                      |
| 764198802 - Tiêu úng vùng III huyện Nông Cống                                                              | 100.000                                       | 37.629                                          | 38%                                      |
| 7083648 - Hợp phần BT GPMB di dân Bán Mông                                                                 | 200.000                                       | 62.037                                          | 31%                                      |
| 7122605 - Hồ chứa nước Bán Mông - Nghệ AN                                                                  | 500.000                                       | 35.721                                          | 7%                                       |
| 7047219 - TDA CT đầu mối HCN Ngàn Trươi                                                                    | 200.000                                       | 27.889                                          | 14%                                      |
| 7126351 - Tiêu dự án ngăn trươi -cấm trang v/q                                                             | 36.000                                        | 7.214                                           | 20%                                      |
| 7642415 - Hệ thống thủy lợi Ngàn trươi Cấm Trang (GD II) tỉnh Hà Tĩnh                                      | 100.000                                       | 8.519                                           | 9%                                       |
| Đập ngăn mặn sông Hiếu                                                                                     | 154.000                                       | 77.598                                          | 50%                                      |
| 7040665 - Hồ chứa nước My Lam - Phú Yên                                                                    | 245.000                                       | 2.761                                           | 1%                                       |
| 7629506 - Dap ngan man Song Hieu                                                                           | 134.000                                       | 30.552                                          | 23%                                      |
| 7042315 - Hệ thống thủy lợi Tà Pao                                                                         | 170.000                                       | 65.561                                          | 39%                                      |

|                                                                                                                                            |                   |                  |               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|---------------|
| 7623613 - Hồ chứa nước Sông Lũy, tỉnh Bình Thuận                                                                                           | 150.000           | 128.145          | 85%           |
| 7634044 - Công trình thủy lợi vùng cao biên giới Bình Phước                                                                                | 150.000           | 53.000           | 35%           |
| 120150024 - Sửa chữa nâng cấp kênh chính Tây thuộc HT TL Dầu Tiếng                                                                         | 150.000           | 58.330           | 39%           |
| 7100942 - Hồ chứa nước Đồng Mít, Tỉnh Bình Định                                                                                            | 200.000           | 118.796          | 59%           |
| 7133344 - Hồ chứa nước Sông Chồ I                                                                                                          | 110.000           | 14.230           | 13%           |
| 7445533 - Sửa chữa nâng cấp Hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham                                                                        | 150.000           | 45.613           | 30%           |
| 220180004 - Hợp phần_ Kênh và công trình trên kênh ... thuộc Hồ chứa nước Mỹ Lâm (Mã DA: 7040665)                                          | 25.000            | 700              | 3%            |
| 220180005 - Hợp phần_ Bồi thường, hỗ trợ và TĐC ... thuộc Hồ chứa nước Mỹ Lâm (Mã DA: 7040665)                                             | 80.000            | 2.697            | 3%            |
| 7042312 - Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ                                                                                                         | 1.500.000         | 596.000          | 40%           |
| 7034652 - Thủy điện thủy lợi bản lái huyện lộc bình                                                                                        | 350.000           | 176.000          | 50%           |
| 7643029 - Kè chống sạt lở bờ hữu Sông Hồng - TP Lào Cai                                                                                    | 140.000           | 25.508           | 18%           |
| 7627829 - HỒ CHỨA NƯỚC CẢNH TẠNG                                                                                                           | 780.000           | 13.693           | 2%            |
| 7280447 - Hồ bản Mông                                                                                                                      | 100.000           | 11.997           | 12%           |
| 7642987 - hồ chứa nước đạ sĩ                                                                                                               | 100.000           | 88.070           | 88%           |
| 277645469 - Thủy lợi hồ chứa nước Ia Mor GĐ 2 ( Ban đền bù Chư Prông)                                                                      | 28.400            | -                | 0%            |
| 7061273 - Hồ chứa nước Kroong Pách Thượng                                                                                                  | 100.000           | 13.266           | 13%           |
| 7265809 - Hồ chứa nước Eahleo 1 huyện Eahleo                                                                                               | 584.000           | 31.117           | 5%            |
| 7645469 - CTTL Hồ chứa nước Ia Mơ                                                                                                          | 281.600           | 28.460           | 10%           |
| 7626918 - Cụm công trình thủy lợi Ia HDrai, tỉnh Kon Tum                                                                                   | 100.000           | 50.747           | 51%           |
| 7634500 - Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông                                                                                             | 120.000           | 40.000           | 33%           |
| <b>Bộ Giao thông - Vận tải</b>                                                                                                             | <b>10.360.229</b> | <b>1.801.861</b> | <b>17,39%</b> |
| <i>Các dự án sử dụng vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp QL1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên</i> |                   |                  |               |
| <b>Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018</b>                                                                   | <b>23.796</b>     | <b>5.814</b>     | <b>24,43%</b> |
| Dự án đầu tư xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn đầu cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 quốc lộ 2) thuộc đường Hồ Chí Minh          |                   |                  |               |
| - TDA1: Đầu tư xây dựng cầu Bình Ca và đường dẫn cầu từ Km4+329,7 đến đuôi mố A0 (km5+343,12) và từ đuôi mố A13 (Km5+886) đến Km8+678      | 15.000            | 5.814            | 38,76%        |
| 120170002 - Tiểu dự án 2 - Bồi thường GPMB DA Cầu Bình Ca (Trung tâm PT quỹ đất)                                                           |                   |                  |               |
| Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn                   | 8.796             |                  | 0,00%         |
| <b>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019</b>                                                                                                   | <b>776.855</b>    | <b>151.231</b>   | <b>19,47%</b> |
| Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 12B đoạn Tam Điệp - Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (Quyết định số 1350/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2016)                    | 25.000            | 182              | 0,73%         |
| Tiểu dự án GPMB                                                                                                                            | 5.000             |                  | 0,00%         |
| Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến tránh QL1A đoạn qua Đèo Con, tỉnh Hà Tĩnh                                                           | 48.200            | 699              | 1,45%         |
| Tiểu dự án GPMB, TĐC huyện Quảng Trạch                                                                                                     | 3.000             | 414              | 13,79%        |
| Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh trung tâm thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk                                                | 117.140           |                  | 0,00%         |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Đắk Lak                                                                                                                  | 12.447            | 10.200           | 81,95%        |
| Xây dựng cầu, đường hai đầu cầu Đắk Bla mới và vượt nối với các đường hiện hữu thuộc dự án tuyến tránh thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum     | 90.000            | 16.696           | 18,55%        |
| Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thành phố Tân An, tỉnh Long An                                                                | 50.000            |                  | 0,00%         |
| Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Chư Sê, tỉnh Gia Lai                                                                                    | 33.072            | 13.552           | 40,98%        |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Gia Lai                                                                                                                  | 928               |                  | 0,00%         |
| Dự án đầu tư xây dựng thêm một đơn nguyên cầu vượt tại nút giao giữa quốc lộ 1 và đường Nghi Sơn - Bãi Trành, tỉnh Thanh Hóa               | 59.957            |                  | 0,00%         |
| Dự án nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh thủy điện Plei Krông trên tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum, tỉnh Kon Tum           | 7.600             |                  | 0,00%         |

|                                                                                                                                                   |                   |                  |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|---------------|
| Đầu tư xây dựng công trình đường kết nối đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 12B đi Quốc lộ 1, tỉnh Hòa Bình                                             | 90.000            | 2.138            | 2,38%         |
| Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 8 đoạn nối Quốc lộ 1 cũ với Quốc lộ 1 mới, tỉnh Hà Tĩnh                                | 7.810             | 2.000            | 25,61%        |
| Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 15B đoạn Ngã ba Đồng Lộc - Quốc lộ 1, tỉnh Hà Tĩnh                                     | 18.816            |                  | 0,00%         |
| Dự án đầu tư xây dựng cầu Đà Rằng, cầu Sông Chùa trên quốc lộ 1 cũ, tỉnh Phú Yên                                                                  |                   |                  |               |
| Chi phí xây dựng+QLDA                                                                                                                             | 40.498            | 21.579           | 53,28%        |
| Tiểu dự án GPMB                                                                                                                                   | 9.387             | 753              | 8,03%         |
| Đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới tại Km1145+540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định                   | 40.000            | 13.457           | 33,64%        |
| Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường nối QL1 đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và đường ven biển tỉnh Quảng Nam (thuộc đoạn tuyến Quốc lộ 40B) | 77.145            | 69.560           | 90,17%        |
| Tiểu dự án GPMB                                                                                                                                   | 40.855            |                  | 0,00%         |
| <b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019</b>                                                                                                  | <b>10.254.378</b> | <b>1.644.816</b> | <b>16,04%</b> |
| Dự án đầu tư xây dựng Cầu Cửa Hội bắc qua sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh                                                                  | 330.000           | 270.736          | 82,04%        |
| Dự án mở rộng quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi đoạn Km1051+845 - Km1055+280, tỉnh Quảng Ngãi                                                   | 80.000            | 1.763            | 2,20%         |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Quảng Ngãi                                                                                                                      | 5.000             |                  | 0,00%         |
| Tuyến tránh thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum                                                                                                       | 300.000           |                  | 0,00%         |
| Mở rộng các cầu trên Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Tiền Giang                                                                                         | 144.982           | 225              | 0,16%         |
| Tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình                                                                      | 650.000           | 467.205          | 71,88%        |
| Tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình                                                                      | 650.000           | 540.205          | 83,11%        |
| Cải tạo nâng cấp QL 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long                                                     | 337.500           | 6.897            | 2,04%         |
| Cao Bồ - Mai Sơn                                                                                                                                  | 675.000           |                  | 0,00%         |
| Mai Sơn - QL 45                                                                                                                                   | 68.650            | 40.299           | 58,70%        |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Ninh Bình                                                                                                                    | 150.950           |                  | 0,00%         |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Thanh Hóa                                                                                                                    | 450.000           |                  | 0,00%         |
| QL 45 - Nghi Sơn                                                                                                                                  | 70.546            | 31.770           | 45,03%        |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Thanh Hóa                                                                                                                       | 289.000           |                  | 0,00%         |
| Nghi Sơn - Diễn Châu                                                                                                                              | 80.000            | 27.693           | 34,62%        |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Nghệ An                                                                                                                         | 80.000            |                  | 0,00%         |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Thanh Hóa                                                                                                                       | 320.000           |                  | 0,00%         |
| Diễn Châu - Bãi Vọt                                                                                                                               | 90.000            | 41.137           | 45,71%        |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Nghệ An                                                                                                                         | 340.000           |                  | 0,00%         |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Hà Tĩnh                                                                                                                         | 50.000            |                  | 0,00%         |
| Cam Lộ - La Sơn                                                                                                                                   | 1.001.975         | 30.915           | 3,09%         |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                                                               | 70.000            |                  | 0,00%         |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Quảng Trị                                                                                                                    | 114.675           | 1.678            | 1,46%         |
| Nha Trang - Cam Lâm                                                                                                                               | 55.300            | 13.352           | 24,14%        |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Khánh Hòa                                                                                                                    | 100.700           |                  | 0,00%         |
| Cam Lâm - Vĩnh Hào- Nghệ An                                                                                                                       | 120.400           | 41.435           | 34,41%        |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Khánh Hòa                                                                                                                    | 12.500            |                  | 0,00%         |
| Tiểu dự án GPMB tỉnh Ninh Thuận                                                                                                                   | 160.500           | 1.290            | 0,80%         |
| Tiểu dự án GPMB Bình Thuận                                                                                                                        | 27.000            |                  | 0,00%         |
| Vĩnh Hào - Phan Thiết                                                                                                                             | 93.000            | 38.617           | 41,52%        |
| Tiểu dự án GPMB Bình Thuận                                                                                                                        | 787.000           |                  | 0,00%         |
| Phan Thiết - Dầu Giây- Bình Thuận                                                                                                                 | 330.000           | 35.499           | 10,76%        |
| Tiểu dự án GPMB Đồng Nai                                                                                                                          | 804.900           | 184              | 0,02%         |

|                                                                                                                   |                  |        |              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------|--------------|
| Cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn 2 đầu cầu                                                                             | 622.000          | 29.327 | 4,71%        |
| Tiểu DA GPMB tỉnh Vĩnh Long                                                                                       | 98.000           |        | 0,00%        |
| 7264273 - Cải tạo nâng cấp QL25 đoạn Km0-Km21+600                                                                 |                  | 1.040  |              |
| 7564707 - DA DHCM Cho moi cho chu nga ba trung son tinh tuyen quang                                               |                  |        |              |
| 7624899 - XD 02 cCu v-ít QL1 tại c,c nút giao với QL1C & nút giao Ng Ba Thạnh, tỉnh Kh, nh HBa                    |                  |        |              |
| 7190874 - Tiểu dự án BT, HT và TĐC thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp QL 53 đoạn Trà Vinh Long Toàn                    |                  | 12.263 |              |
| 120122154 - Tuyến kết nối đường cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ - Ninh Bình với Quốc lộ 1A                             |                  |        |              |
| 7344068 - XD tuyến đường kết nối giữa đường cao tốc cầu giẽ Ninh Bình với quốc lộ 1A                              |                  | 11.285 |              |
| 7304914 - Đường nối QL1A đi TX Clò đoạn Quán Hành - Chợ Sơn, huyện N.Lộc                                          |                  |        |              |
| 7570707 - C.trình cầu vượt Nút giao thông đường D4 KKT ĐN.QL1A                                                    |                  |        |              |
| 7621409 - Nâng cấp mở rộng QL 15 B đoạn Ngã 3 Đồng lộc- Quốc lộ 1A tỉnh Hà Tĩnh                                   |                  |        |              |
| 7642545 - Đầu tư XD tuyến tránh QL1A đoạn qua Đèo Con - HT                                                        |                  |        |              |
| 7031544 - Dù n GPMB @-êng Hà ChÝ Minh @o'n Ch-n Thạnh-şec HBa                                                     |                  |        |              |
| 7624899 - XD 2 cầu vượt trên QL1 tại nút giao với QL1C & nút giao ngã ba Thành tỉnh KHòa                          |                  |        |              |
| 7564707 - Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Mới- Ngã ba Trung Sơn, tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang |                  |        |              |
| Đường nối quốc lộ 4C và 4D (Km238 - Km414, đèo Tây Côn Lĩnh Km339 - Km368)                                        | 77.400           |        | 0,00%        |
| Quốc lộ 3B (Km0 - Km66+600) đoạn Xuất Hóa - cửa khẩu Pò Mã                                                        | 270.000          |        | 0,00%        |
| Quốc lộ 27 đoạn tránh Liên Khương                                                                                 | 72.000           |        | 0,00%        |
| Nâng cấp quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp                                                      | 275.400          |        | 0,00%        |
| <b>Bộ Y tế</b>                                                                                                    | <b>1.350.000</b> |        | <b>0,00%</b> |
| 1200907 - Chuẩn bị đầu tư Trung Tâm Ung bướu Bệnh viện E                                                          | 161.200          |        | 0%           |
| 1800056 - Bệnh viện bệnh nhiệt đới Trung ương giai đoạn 2 (đầu tư mua sắm trang thiết bị)                         |                  |        |              |
| Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện K cơ sở I, II                                                                         | 350.000          |        | 0%           |
| Bệnh viện Lão khoa TW (cơ sở 2)                                                                                   | 250.000          |        | 0%           |
| Bệnh viện chấn thương chỉnh hình TW Cần Thơ                                                                       | 300.000          |        | 0%           |
| Bệnh viện Nội tiết TW TP. Hồ Chí Minh                                                                             | 288.800          |        | 0%           |

Ghi chú: Số liệu trên không bao gồm số kế hoạch và giải ngân vốn cấp thẳng của Bộ Quốc phòng.